

Số: 159 /2024/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;  
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1998; Địa chỉ: **Kiệt A đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng** Và Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1993; Địa chỉ thường trú: **Kiệt A đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông **Trần Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 2019, có đăng ký tại **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ** và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2019 ngày 07 tháng 10 năm 2019. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn ông **Trần Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** chung sống tại **kiệt 135/38 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay ông **Trần Văn Đ**

và bà Nguyễn Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 28/4/2020. Sau khi ly hôn, ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận:

Bà Nguyễn Thị T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nêu trên cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T cùng xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2019 ngày 07 tháng 10 năm 2019 của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ).

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Đức A, sinh ngày 28/4/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).



Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Ông **Trần Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Trần Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** cùng xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông **Trần Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001713 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông **Trần Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhân :**

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;
- UBND xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Hai**

